

## ÁP LỰC CHỐT LỜI VẮN HIỆN HỮU

## CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

## ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

MUA

Nhà đầu tư nên theo dõi nhóm cổ phiếu có nền tích lũy tốt, chưa tăng nhiều, có yếu tố cơ bản hỗ trợ như hưởng lợi từ xuất khẩu, đầu tư công, hoặc chứng khoán. Hạn chế mua đuổi ở vùng giá cao.

BÁN

Tận dụng nhịp tăng để chốt lời từng phần các mã đã tăng nóng, cơ cấu danh mục theo hướng giảm thiểu rủi ro khi chỉ số tiến tới các ngưỡng cản 1.345-1.350 điểm.

MUA

MWG

↑ 10,85%

VND71.500

## NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tăng điểm vào thứ Năm dù nhà đầu tư vẫn thận trọng xung quanh chính sách thuế quan.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Chỉ số VN-Index tiếp tục dao động giằng co trong biên độ hẹp, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư sau nhịp hồi phục từ vùng 1.290 điểm. Áp lực chốt lời vẫn hiện hữu trên diện rộng, đặc biệt ở các cổ phiếu đã tăng mạnh khiến thị trường thiếu động lực bứt phá. Về kỹ thuật, VN-Index đang tích lũy quanh vùng 1.335 – 1.340 điểm, sát vùng kháng cự 1.345 – 1.350 điểm. Thanh khoản có xu hướng suy giảm, cho thấy dòng tiền đang phân hóa và chưa thực sự sẵn sàng để đẩy chỉ số vượt vùng cản hiện tại. Nhà đầu tư tiếp tục nắm giữ các vị thế có sẵn nếu xu hướng tăng chưa bị vi phạm.

## Thị trường thế giới

| Chỉ số    | Điểm số   | %Chg  | YTD   |
|-----------|-----------|-------|-------|
| Dow Jones | 42.215,73 | 0,28  | -0,77 |
| S&P 500   | 5.912,17  | 0,40  | 0,52  |
| Nasdaq    | 19.175,87 | 0,39  | -0,70 |
| VIX       | 19,18     | -0,67 | 10,55 |
| DAX       | 23.933,23 | -0,44 | 20,21 |
| FTSE 100  | 8.716,45  | -0,11 | 6,65  |
| CAC40     | 7.779,72  | -0,11 | 5,41  |
| Hang Seng | 23.339,64 | -0,99 | 16,35 |

Nguồn: Bloomberg

## ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



## Chỉ báo kỹ thuật

|                   | Ngày | Tuần | Tháng   |
|-------------------|------|------|---------|
| Xu hướng VN-Index | BUY  | BUY  | NEUTRAL |

  

| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị  | Hành động |
|------------------|----------|-----------|
| RSI (14)         | 68,77    | BUY       |
| MACD (12,26)     | 23,61    | BUY       |
| ADX (14)         | 17,94    | BUY       |
| SMA5             | 1.334,10 | BUY       |
| SMA20            | 1.295,78 | BUY       |
| SMA50            | 1.271,88 | BUY       |
| SMA100           | 1.274,60 | BUY       |
| SMA200           | 1.267,56 | BUY       |

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Thị trường Mỹ tăng điểm vào thứ Năm dù nhà đầu tư thận vẫn trọng sau một loạt diễn biến pháp lý xung quanh chính sách thuế quan đối ứng của ông Trump. Chính quyền ông Trump đã nhanh chóng đệ đơn kháng cáo sau phán quyết và tòa phúc thẩm đã khôi phục lại các khoản thuế vào chiều ngày 29/05.
- **Thảo luận tại hội trường** chiều ngày 28/5 về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế giá trị gia tăng (VAT), đa số ý kiến đại biểu bày tỏ sự đồng tình cao với đề xuất tiếp tục giảm thuế suất VAT từ 10% xuống 8% trong thời gian từ 1/7/2025 đến 31/12/2026, nhằm hỗ trợ phục hồi kinh tế, thúc đẩy tiêu dùng và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vượt qua khó khăn.
- **Ông Nguyễn Đức Lệnh** - Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực 2 cho biết đến cuối tháng 5/2025, ước dư nợ tín dụng trên địa bàn TPHCM đạt 4,1 triệu tỷ đồng, tăng 3,6% so với cuối năm và tăng 13,2% so với cùng kỳ.
- **VPB:** Ngày 26/5/2025, VPBank đã phát hành 2.500 trái phiếu mã VPB12505 mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu, tương ứng giá trị phát hành 2.500 tỷ đồng. Với kỳ hạn 3 năm, lô trái phiếu trên dự kiến đáo hạn ngày 26/5/2028. Theo kế hoạch phát hành riêng lẻ trái phiếu năm 2025 mà VPBank công bố trước đó, HĐQT VPBank đã chấp thuận và phê duyệt phát hành, chào bán 2.500 trái phiếu mã VPB12505 với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu; tương ứng giá trị phát hành là 2.500 tỷ đồng.
- **HPG:** Vào ngày 29/5/2025, Tập đoàn Hòa Phát đã ký kết hợp đồng với Tập đoàn SMS group (Đức) để cung cấp công nghệ và dây chuyền sản xuất thép ray và thép hình, với công suất 700.000 tấn/năm.
- **PVS:** Năm 2025, tổng công ty đề ra mục tiêu doanh thu hợp nhất đạt 22.500 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 780 tỷ đồng. Các con số này lần lượt giảm 10% và 38% so với thực hiện năm 2024, công ty nhà nước này thường đặt mục tiêu thận trọng. HĐQT PVS đề xuất chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 7% (cổ đông có 100 cổ phiếu sẽ được nhận 7 cổ phiếu mới).
- **HDC:** Đại hội của HDC đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025 đầy tham vọng với doanh thu mục tiêu 1.459 tỷ đồng, cao gấp 3,5 lần so với năm trước. LNST đạt 530 tỷ đồng, gấp hơn 7 lần. Tổng giá trị đầu tư trong năm ước tính khoảng 2.253 tỷ đồng, gấp 10 lần năm trước. Kỳ vọng vào năm có kết quả kinh doanh cao kỷ lục đến từ thương vụ chuyển nhượng dự án Đại Dương Vũng Tàu, với giá trị hợp đồng khoảng 2.000 tỷ đồng.
- **CII** dự kiến chào bán 20 triệu trái phiếu mã CII425001 mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu; tương ứng tổng giá trị trái phiếu theo mệnh giá là 2.000 tỷ đồng. Tiến thu được từ việc phát hành trái phiếu sẽ được sử dụng để cơ cấu nợ của tổ chức phát hành.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

| Chỉ số    | Giá (USD) | %Chg  | YTD    |
|-----------|-----------|-------|--------|
| Vàng      | 3.311,69  | -0,19 | 26,18  |
| Dầu WTI   | 60,65     | -0,48 | -15,44 |
| Dầu Brent | 63,89     | -0,41 | -14,40 |
| Than      | 100,90    | 0,00  | -19,44 |
| Đồng      | 9.568,00  | 0,03  | 9,12   |
| Quặng sắt | 96,57     | 0,73  | -7,88  |
| Thép      | 453,00    | 0,22  | -4,78  |

Thị trường ngoại tệ

| Chỉ số  | Giá    | %Chg  | YTD   |
|---------|--------|-------|-------|
| DXY     | 99,258 | -0,02 | -8,51 |
| USD/JPY | 143,8  | 0,29  | 9,32  |
| USD/CNY | 7,1904 | -0,06 | 1,51  |
| EUR/USD | 1,1366 | -0,04 | 9,77  |
| GBP/USD | 1,3486 | -0,04 | 7,75  |

Lãi suất một số NHTW

| NHTW | Lãi suất | Cuộc họp tiếp theo | Thay đổi gần nhất |
|------|----------|--------------------|-------------------|
| FED  | 4,50%    | 18/06/2025         | 0,00              |
| ECB  | 2,40%    | 05/06/2025         | -0,25             |
| BOE  | 4,50%    | 19/06/2025         | 0,00              |
| BOJ  | 0,50%    | 17/06/2025         | 0,00              |
| SBV  | 6,50%    | -                  | -50bp             |

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

| Mã CP | GTGD   | Giá     | %Chg  |
|-------|--------|---------|-------|
| HPG   | 420,66 | 25.550  | -0,20 |
| FPT   | 345,32 | 117.100 | -1,10 |
| MWG   | 468,25 | 64.300  | -0,16 |
| TCB   | 449,55 | 30.800  | 0,98  |
| STB   | 302,70 | 41.300  | 0,61  |

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

| Mã CP | Vốn hóa    | Giá     | %Chg  |
|-------|------------|---------|-------|
| VCB   | 473.766,78 | 56.700  | -0,18 |
| BID   | 255.928,64 | 36.450  | -0,14 |
| CTG   | 208.892,68 | 38.900  | -1,64 |
| FPT   | 173.463,76 | 117.100 | -1,10 |
| TCB   | 217.597,43 | 30.800  | 0,98  |

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

MWVG

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

MUA

64.300

71.500

10,85%

62.500-64.500

<61.300

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ghi nhận doanh thu hợp nhất hơn 48.600 tỷ đồng trong 4 tháng đầu năm 2025, tăng 13% so với cùng kỳ và hoàn thành 32% kế hoạch năm. Trung bình mỗi ngày, tập đoàn bán lẻ này thu về khoảng 400 tỷ đồng.
- Năm 2025, MWG đặt kế hoạch doanh thu thuần 150.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 4.850 tỷ đồng, tương ứng mức tăng lần lượt 12% và 30% so với kết quả năm 2024. Như vậy, MWG đã hoàn thành khoảng 32,4% kế hoạch doanh thu năm 2025 sau 4 tháng.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- Sau khi hồi phục hơn 40% từ vùng đáy, cổ phiếu MWG đang bước vào giai đoạn tích lũy ngắn hạn do áp lực chốt lời gia tăng. Hiện tại, MWG đang tiếp cận vùng kháng cự kỹ thuật quanh 65.000 đồng- ngưỡng cản quan trọng cần vượt qua để xác lập xu hướng tăng mới. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mua với tỷ lệ giải ngân phù hợp khẩu vị rủi ro.

Thông tin tài chính

|             | FY2023  | FY2024  | Q1 2025 |
|-------------|---------|---------|---------|
| DTT (tỷ đ)  | 118.280 | 134.341 | 34.574  |
| LNTT (tỷ đ) | 690     | 4.826   | 1.035   |
| LNST (tỷ đ) | 168     | 3.733   | 852     |
| Nợ/VCSH (%) | 108     | 97      | 97      |
| ROE (%)     | 0,71    | 14,57   | 15,99   |
| ROA (%)     | 0,29    | 5,70    | 6,41    |
| EPS (VNĐ)   | 115     | 2.546   | 2986,55 |
| P/E (lần)   | 372,2   | 24,0    | 21,53   |
| P/B (lần)   | 2,68    | 3,21    | 3,21    |

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

|          | Ngày | Tuần | Tháng |
|----------|------|------|-------|
| Xu hướng | BUY  | BUY  | BUY   |

| Chỉ báo kỹ thuật | Giá trị | Hành động |
|------------------|---------|-----------|
| RSI (14)         | 65,26   | BUY       |
| MACD (12,26)     | 1,54    | BUY       |
| ADX (14)         | 12,77   | BUY       |
| SMA5             | 64.340  | SELL      |
| SMA20            | 62.910  | BUY       |
| SMA50            | 59.630  | BUY       |
| SMA100           | 59.120  | BUY       |
| SMA200           | 61.870  | BUY       |

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

| STT                             | Mã cổ phiếu | Vị thế   | Vùng mua  | Ngày mua  | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán  | Giá bán | +/-    |
|---------------------------------|-------------|----------|-----------|-----------|---------|--------------|------------|-----------|---------|--------|
| Danh mục theo dõi               |             |          |           |           |         |              |            |           |         |        |
| Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua |             |          |           |           |         |              |            |           |         |        |
| 1                               | SSI         | Nắm giữ  | 21,5-22,5 | 22/4/2025 | 21,5    | 25,3         | 21,3       |           |         | 9,30%  |
| 2                               | HHV         | Nắm giữ  | 11,9-12,1 | 14/5/2025 | 12,1    | 13,6         | 11,5       |           |         | 1,65%  |
| 3                               | VCI         | Mua      | 36,5-37,5 | 20/5/2025 | 36,5    | 41,1         | 35,4       |           |         | -0,96% |
| 4                               | GVR         | Chốt lời | 25,5-26,5 | 26/5/2025 | 26,5    | 29,4         | 25,2       | 29/5/2025 | 30,3    | 14,34% |
| 5                               | CTG         | Nắm giữ  | 37,5-38,5 | 26/5/2025 | 38,5    | 42,8         | 36,6       |           |         | 1,04%  |
| 6                               | MWG         | Mua      | 62,5-64,5 | 28/5/2025 | 64,3    | 71,5         | 61,3       |           |         | 0,00%  |

**Lưu ý:** Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế      | Vùng mua   | Ngày mua   | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán   | Giá bán | +/-    |
|-----|-------------|-------------|------------|------------|---------|--------------|------------|------------|---------|--------|
| 1   | MWG         | Chốt lời    | 39,6-40,8  | 5/6/2023   | 40,8    | 54,8         | 37,8       | 31/7/2023  | 54      | 32,35% |
| 2   | NLG         | Chốt lời    | 31,3-32,45 | 9/6/2023   | 32      | 38,3         | 30,2       | 18/7/2023  | 38,3    | 19,69% |
| 3   | MWG         | Hạ tỷ trọng | 39,6-40,8  | 5/6/2023   | 40,8    | 47,8         | 37,8       | 11/7/2023  | 48,8    | 19,61% |
| 4   | DGW         | Chốt lời    | 54,5-56    | 16/2/2024  | 56      | 63,2         | 53,9       | 13/3/2024  | 64,3    | 16,07% |
| 5   | HCM         | Chốt lời    | 21,1-22    | 20/12/2023 | 21,9    | 24,3         | 20,4       | 2/1/2024   | 25,4    | 15,98% |
| 6   | SSI         | Chốt lời    | 27,8-28,8  | 26/10/2023 | 27,2    | 32,8         | 26,9       | 10/11/2023 | 31,5    | 15,81% |
| 7   | DBC         | Chốt lời    | 20,3-20,6  | 20/6/2023  | 20,6    | 23,6         | 19,2       | 6/7/2023   | 23,85   | 15,78% |
| 8   | DGW         | Chốt lời    | 32,4-33    | 16/5/2023  | 33      | 37,2         | 30,7       | 6/6/2023   | 37,8    | 14,55% |
| 9   | VPB         | Chốt lời    | 18,6-19,2  | 26/4/2023  | 19,2    | 22,6         | 17,9       | 1/8/2023   | 21,95   | 14,32% |
| 10  | ANV         | Chốt lời    | 34,8-36,3  | 11/9/2023  | 36,3    | 41,2         | 33,8       | 22/9/2023  | 41,2    | 13,50% |
| 11  | DGW         | Chốt lời    | 49-51,5    | 21/11/2023 | 50      | 57,8         | 48         | 8/1/2023   | 56,7    | 13,40% |
| 12  | HCM         | Chốt lời    | 25,9-26,3  | 12/6/2023  | 26,3    | 29,5         | 24,5       | 5/7/2023   | 29,8    | 13,31% |
| 13  | SSI         | Chốt lời    | 28,0-28,6  | 1/8/2023   | 28,6    | 33,5         | 27,4       | 25/8/2023  | 32,3    | 12,94% |
| 14  | PVS         | Chốt lời    | 30,4-31,2  | 22/8/2023  | 31,2    | 35,2         | 29,3       | 30/8/2023  | 35,2    | 12,82% |
| 15  | HPG         | Chốt lời    | 24,8-25,8  | 22/8/2023  | 25,8    | 29,1         | 24         | 7/9/2023   | 29,1    | 12,79% |
| 16  | NKG         | Chốt lời    | 17,3-17,7  | 5/7/2023   | 17,5    | 20,4         | 16,3       | 21/7/2023  | 19,7    | 12,57% |
| 17  | KSB         | Chốt lời    | 26,6-27,1  | 8/6/2023   | 27,1    | 30,5         | 25,2       | 27/6/2023  | 30,5    | 12,55% |
| 18  | NKG         | Chốt lời    | 20,3-20,8  | 24/11/2023 | 20,8    | 23,9         | 19,6       | 30/11/2023 | 23,35   | 12,26% |
| 19  | HAH         | Chốt lời    | 34-35,5    | 23/11/2023 | 35      | 40,7         | 32,9       | 26/12/2023 | 39,2    | 12,00% |
| 20  | GVR         | Chốt lời    | 18,9-19,3  | 28/6/2023  | 19,3    | 22,3         | 18         | 11/7/2023  | 21,6    | 11,92% |
| 21  | VCG         | Chốt lời    | 25,5-26,2  | 18/8/2023  | 26,2    | 29,3         | 24,5       | 5/9/2023   | 29,3    | 11,83% |

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

| STT | Mã cổ phiếu | Vị thế   | Vùng mua  | Ngày mua   | Giá mua | Giá mục tiêu | Giá cắt lỗ | Ngày bán  | Giá bán | +/-    |
|-----|-------------|----------|-----------|------------|---------|--------------|------------|-----------|---------|--------|
| 1   | SSI         | Chốt lời | 24,5-25   | 24/2/2025  | 25,3    | 27,4         | 23,8       | 13/3/2025 | 27,4    | 8,30%  |
| 2   | POW         | Cơ cấu   | 11,4-11,8 | 12/2/2025  | 11,8    | 13,2         | 11,2       | 14/3/2025 | 12      | 1,69%  |
| 3   | VHC         | Cơ cấu   | 67,5-69,5 | 18/2/2025  | 69,5    | 76           | 65,6       | 14/3/2025 | 67,9    | -2,3%  |
| 4   | PC1         | Cơ cấu   | 23,5-23,9 | 26/2/2025  | 23,9    | 26,3         | 22,7       | 14/3/2025 | 23,1    | -3,35% |
| 5   | KSB         | Cơ cấu   | 19,6-20   | 6/3/2025   | 19,9    | 22,1         | 19         | 14/3/2025 | 19,85   | -0,21% |
| 6   | DXG         | Cơ cấu   | 15,7-16,2 | 11/3/2025  | 16,2    | 17,8         | 15,2       | 14/3/2025 | 16,1    | -0,61% |
| 7   | BID         | Cắt lỗ   | 38,6-39,3 | 6/2/2025   | 39,6    | 45           | 37,3       | 3/4/2025  | 37,3    | -5,81% |
| 8   | KBC         | Cắt lỗ   | 28,5-29,5 | 18/2/2025  | 29,2    | 33           | 27,6       | 3/4/2025  | 27,6    | -5,4%  |
| 9   | VPB         | Cắt lỗ   | 18,7-19   | 21/02/2025 | 19      | 21,2         | 18         | 3/4/2025  | 18      | -5,26% |
| 10  | STB         | Chốt lời | 33,7-34,7 | 4/4/2025   | 34,1    | 38,4         | 33         | 16/4/2025 | 38,6    | 13,20% |
| 11  | MBB         | Chốt lời | 21,8-22,3 | 22/4/2025  | 21,8    | 24,5         | 20,7       | 29/4/2025 | 23,7    | 8,72%  |
| 12  | HPG         | Chốt lời | 23-24     | 22/4/2025  | 23,4    | 26,5         | 22,8       | 29/4/2025 | 25,65   | 9,62%  |
| 13  | TCB         | Chốt lời | 25-25,8   | 28/4/2025  | 25,8    | 28,2         | 24,5       | 13/5/2025 | 29,5    | 14,34% |
| 14  | VCG         | Chốt lời | 21-21,8   | 22/4/2025  | 21      | 24,5         | 20,7       | 22/5/2025 | 23,3    | 11,19% |
| 15  | GVR         | Chốt lời | 25,5-26,5 | 26/5/2025  | 26,5    | 29,4         | 25,2       | 29/5/2025 | 30,3    | 14,34% |

Email: [Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn](mailto:Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn)

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

2

3

## TƯ VẤN ĐẦU TƯ

### Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

👍❤️2

Khuyến nghị 10/1/2024

| NHCP             | NVL                   | Tỷ lệ    |
|------------------|-----------------------|----------|
| Mua              | 16-16.5               |          |
| Cắt lỗ           | Đoạt 14               | ~(-12%)  |
| Chốt lời 1:(50%) | 19-19                 | ~13%-18% |
| Chốt lời 2:(50%) | 21-22                 | ~18-37%  |
| NHCP             | MSN                   | Tỷ lệ    |
| Mua              | 65-66                 |          |
|                  | (Cổ thế BCA về 61-62) |          |
| Cắt lỗ           | Đoạt 59               | ~(-5%)   |
| Chốt lời 1:(50%) | 72-75                 | ~13%-14% |
| Chốt lời 2:(50%) | Nằm giữ               |          |
| NHCP             | GEX                   | Tỷ lệ    |
| Mua              | 21-21.5               |          |
| Cắt lỗ           | 19.8                  | ~(-4%)   |
| Chốt lời 1:(50%) | 23-24                 | ~7%-12%  |
| Chốt lời 2:(50%) | 25.5-26               | ~13%-24% |

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

by Thanh Đình @ginlabs.vn

## CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

|                    |                        |
|--------------------|------------------------|
| Mã chứng khoán     | MWG                    |
| Tổng khối lượng CK | 190,000                |
| Giá vốn trung bình | 43.34                  |
| Gốc đầu tư         | 99,800 đ               |
| Giá trị thị trường | 8,280,000,000 đ        |
| Lãi/lỗ (dự kiến)   | +479,500,200 đ (4.15%) |

### Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

## THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập  
[ginlabs.vn/room](https://ginlabs.vn/room)